

R7 県総体シングルス タイムテーブル

【個人戦・シングルス】

※4回戦以降はすべて両校審判とする

区分	コート	9:20頃～			10:30頃～			11:45頃～					
1 列 目	1	B101	B119	B137	B155	B209	B227	B313	4 0 1 5 4 0 戦 8	男子4回戦	準々決勝、決勝および 男子代表決定戦	表彰	1
	2	B102	B120	B138	B156	B210	B228	B314					2
	3	B103	B121	B139	B157	B211	B229	B315					3
	4	B104	B122	B140	B158	B212	B230	B316					4
	5	B105	B123	B141	B159	B213	B231						5
	6	B106	B124	B142	B160	B214	B232						6
2 列 目	7	B107	B125	B143	B161	B215	B301						7
	8	B108	B126	B144	B162	B216	B302						8
	9	B109	B127	B145	B163	B217	B303						9
	10	B110	B128	B146	B164	B218	B304						10
	11	B111	B129	B147	B201	B219	B305						11
	12	B112	B130	B148	B202	B220	B306						12
3 列 目	13	B113	B131	B149	B203	B221	B307				13		
	14	B114	B132	B150	B204	B222	B308				14		
	15	B115	B133	B151	B205	B223	B309				15		
	16	B116	B134	B152	B206	B224	B310				16		
	17	B117	B135	B153	B207	B225	B311				17		
	18	B118	B136	B154	B208	B226	B312				18		
1 列 目	19	G101	G119	G137	G155	G209	G227	G313	4 0 1 5 4 0 戦 8	女子4回戦	準々決勝、決勝および 代表決定戦		19
	20	G102	G120	G138	G156	G210	G228	G314					20
	21	G103	G121	G139	G157	G211	G229	G315					21
	22	G104	G122	G140	G158	G212	G230	G316					22
	23	G105	G123	G141	G159	G213	G231						23
	24	G106	G124	G142	G160	G214	G232						24
2 列 目	25	G107	G125	G143	G161	G215	G301						25
	26	G108	G126	G144	G162	G216	G302						26
	27	G109	G127	G145	G163	G217	G303						27
	28	G110	G128	G146	G164	G218	G304						28
	29	G111	G129	G147	G201	G219	G305						29
	30	G112	G130	G148	G202	G220	G306						30
3 列 目	31	G113	G131	G149	G203	G221	G307				31		
	32	G114	G132	G150	G204	G222	G308				32		
	33	G115	G133	G151	G205	G223	G309				33		
	34	G116	G134	G152	G206	G224	G310				34		
	35	G117	G135	G153	G207	G225	G311				35		
	36	G118	G136	G154	G208	G226	G312				36		